

TÁC ĐỘNG CỦA ĐÔ THỊ HÓA TỚI ĐỜI SỐNG DÂN CƯ VÙNG VEN HÀ NỘI

*Trần Nguyệt Minh Thu**

Trong những thập niên cuối của thế kỷ XX, tốc độ đô thị hoá ở các nước đang phát triển ngày một tăng nhanh, đặc biệt là khu vực châu Á. Dự báo đến năm 2025, có khoảng 4 tỉ người dân châu lục này sẽ sống ở các vùng đô thị¹. Tại Việt Nam, quá trình đô thị hoá thực sự tăng tốc từ giữa những năm 1990. Với chiến lược cải cách kinh tế, nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng liên tục với nhịp độ khá nhanh. Dự báo đến năm 2020, dân số cả nước là 103 triệu người, trong đó dân số đô thị là 46 triệu, chiếm 45%².

1. Vùng ven đô trong mối tương quan với nông thôn và đô thị

Tuy có nhiều cách hiểu và định nghĩa khác nhau về “vùng ven đô”, song nội hàm của khái niệm này về cơ bản là khu vực giáp ranh, cận kề với thành phố, các hoạt động kinh tế xã hội tại đây vừa đặc trưng cho nông thôn, nhưng cũng mang dáng dấp đô thị. Vùng ven đô không tồn tại độc lập mà nằm trong một miền liên thông, một mối quan hệ tương tác giữa nông

thôn, ven đô và đô thị. Trong mối quan hệ đó, nông thôn là nơi cung cấp thường xuyên, lâu dài lương thực thực phẩm, nguồn nguyên liệu sản xuất và nguồn lực lao động dồi dào. Đô thị là thị trường để tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp đó, tạo cơ hội việc làm và nơi ở cho các dòng di dân từ nông thôn ra, cung cấp các sản phẩm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Vùng ven năng động hơn trong việc thực hiện các chức năng cũng như tiếp nhận các dịch vụ trên.

Tại khu vực ven đô, xét trên bình diện kinh tế, các hoạt động sản xuất nông nghiệp sẽ dần bị thu hẹp lại và mất đi do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ và đất ở. Trên bình diện xã hội, nơi đây không thuần nhất về thành phần dân cư, do đó những mối quan hệ xã hội đa chiều, phức tạp dễ nảy sinh, dẫn tới xung đột về lợi ích giữa các nhóm xã hội này. Trên bình diện văn hoá, các giá trị, chuẩn mực văn hoá, lối sống, thái độ và hành vi ứng xử giữa cá nhân với nhau cũng thay đổi theo xu hướng đô thị. Do có cơ hội được

* Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Châu Âu

tiếp cận với nhiều nguồn thông tin khác nhau nên trình độ dân trí và nhận thức của người dân vùng ven cao hơn hẳn so với nông thôn. Nhìn chung, ven đô là nơi chịu tác động mạnh mẽ của đô thị trong quá trình đô thị hoá.

Đô thị hóa hay sự chuyển biến từ nông thôn truyền thống sang đô thị hiện đại là một quá trình kinh tế - xã hội lịch sử. Quá trình này bao gồm những thay đổi như thay đổi về cách thức quản lý hành chính, tăng trưởng dân số đô thị, sự phân bố dân cư, mở rộng lãnh thổ, tổ chức lại môi trường cư trú của con người, thay đổi những yếu tố vật chất, chuyển hóa những kiểu mẫu của đời sống xã hội. Qua đó, các giá trị văn hóa và lối sống đô thị được phổ biến vào cuộc sống nông thôn.

Xét về mặt xã hội, quá trình đô thị hóa kéo theo những biến đổi tại các vùng ven đặc biệt là với vùng nông thôn nằm ngay trong chính khu vực đang được đô thị hóa. Những vùng này có thể nhanh chóng phát triển nhờ sự đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, công nghiệp phát triển nhanh sẽ hỗ trợ sự phát triển của cơ sở hạ tầng. Các khu công nghiệp đó sẽ thu hút lực lượng lao động lớn từ nhiều vùng miền trong cả nước, về lâu dài khi nhu cầu gia tăng tất yếu sẽ xuất hiện dịch vụ xã hội. Giao thông được cải thiện từng bước để đáp ứng việc vận chuyển hàng hoá phục vụ người dân.

Song, đô thị hóa không chỉ bó hẹp ở việc hình thành các đô thị, phát triển công nghiệp, dịch vụ mà xa hơn, đô thị hóa còn có nghĩa là công nghiệp hóa cả địa bàn nông thôn, đưa công nghiệp về nông thôn thông qua các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thu hút lao động nông thôn, thay đổi cơ cấu

ngành nghề tại vùng ven, hạn chế sự di động nhân lực từ nông thôn vào thành thị.

2. Đô thị hoá vùng ven Hà Nội

Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là hai thành phố có tốc độ đô thị hoá nhanh nhất Việt Nam, điều đó được thể hiện ở một số chỉ tiêu như mức tăng dân số, tăng trưởng kinh tế, phát triển đô thị... của cả hai thành phố này. Riêng tại Hà Nội, trong khoảng 10 năm trở lại đây, dân số và diện tích đất nội thành tăng lên đáng kể, đạt 178,78 km², tăng 3,79 lần so với năm 1995³. Tốc độ phát triển khá cao của Hà Nội đã tạo cơ sở quan trọng để thúc đẩy sự thay đổi mạnh mẽ về kinh tế-xã hội ở mọi khu vực, trong đó có cả vùng ven. Tăng dân số không chỉ do dòng nhập cư từ nông thôn đến, mà còn do việc mở rộng nội đô ra các vùng ven và ngoại ô, biến các vùng này thành đô thị.

Hà Nội, ban đầu gồm 4 quận nội thành và 4 huyện ngoại thành, sau này mở rộng thêm huyện ngoại thành Sóc Sơn (nguyên là một huyện của tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay). Năm 1997, thành phố mở rộng thêm 3 quận mới là Cầu Giấy, Thanh Xuân, Tây Hồ từ một phần đất của các huyện Thanh Trì và Từ Liêm. Năm 2003, thành phố có thêm 2 quận Hoàng Mai (một phần của huyện Thanh Trì) và Long Biên (một phần của huyện Gia Lâm). Đến nay, Hà Nội đã có tất cả 9 quận nội thành gồm Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Ba Đình, Đống Đa, Cầu Giấy, Thanh Xuân, Tây Hồ, Hoàng Mai, Long Biên và 5 huyện ngoại thành là Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Sóc Sơn, Từ Liêm⁴...

Trên bình diện lý thuyết, việc phát triển các khu công nghiệp vùng ven sẽ tạo

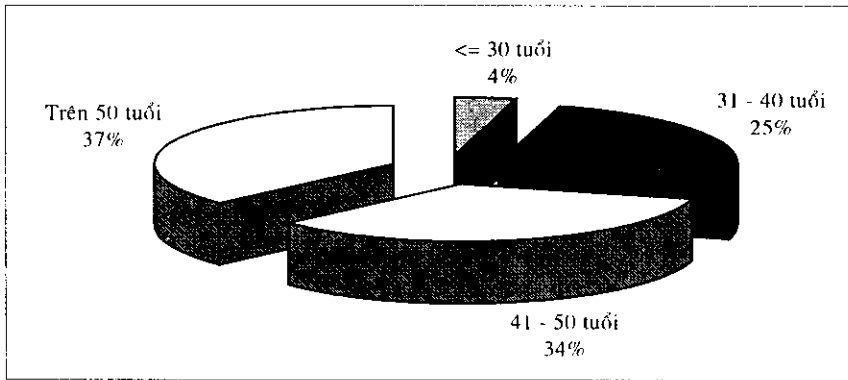
cơ hội cho lực lượng lao động tại địa phương, đặc biệt là con em của những gia đình bị mất đất có điều kiện tìm kiếm việc làm mới thay thế nghề nông. Nhưng thực tế cho thấy, việc phát triển các khu công nghiệp gần đây đã không giải quyết được nhiều việc làm cho lực lượng lao động tại chỗ. Hạn chế chủ yếu trong việc sử dụng lực lượng lao động nông thôn là trình độ học vấn thấp, thiếu độ nhanh nhạy và khả năng nắm bắt vấn đề, tay nghề thấp, thiếu vốn.

Tăng cường mối liên kết giữa nông thôn và đô thị đã và đang tạo đà cho sự phát triển những ngành nghề mới ở nông thôn, tạo nên nhiều nhu cầu mới trong cuộc sống. Trong quá trình này, vùng ngoại vi có thể trở thành tâm điểm để xây dựng các khu công nghiệp chất lượng cao, khu vực sản xuất các sản phẩm nông nghiệp và thủ công nghiệp phục vụ dân cư nói chung, dân cư đô thị nói riêng. Những

vùng nông thôn lân cận khu vực đang được đô thị hoá cũng có đà để tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, xã hội.

Xây dựng và phát triển các khu công nghiệp vùng ven Hà Nội cũng đồng nghĩa với việc diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp lại. Đây là một trong những lý do khiến tỉ trọng sản phẩm nông nghiệp trong cơ cấu tổng sản phẩm nội địa của thành phố giảm khá mạnh (từ 9% năm 1990 xuống còn 1,7% năm 2005⁵). Tuy nhiên, khu vực sản xuất nông nghiệp vẫn là nơi thu hút một số lượng lớn lao động giản đơn tại chính những khu vực trên.

Về xu hướng nghề nghiệp, tới thời điểm này, đất trồng trọt vẫn còn ý nghĩa quan trọng đối với người nông dân trong vấn đề giải quyết việc làm và tạo nguồn thu nhập. Dù đã được báo trước việc thu hồi đất, nhưng để tìm việc làm mới thay thế quả không dễ.



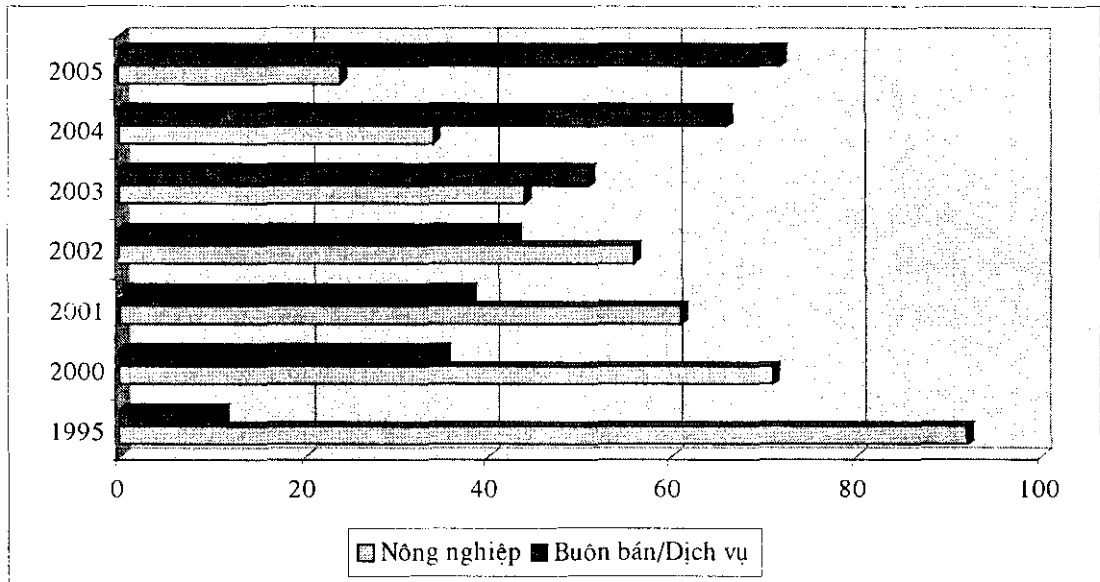
Hình 1: Nhóm tuổi của những người có câu trả lời: "Chưa biết làm gì nếu mất hoàn toàn đất nông nghiệp"⁶

Số liệu cho thấy mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa nhóm tuổi và những người có câu trả lời rằng "chưa biết làm gì nếu bị mất hoàn toàn đất nông nghiệp", nhóm tuổi càng cao thì tỷ lệ những người có câu trả lời này càng lớn. Việc thay đổi nghề và tìm việc làm mới đã khó lại càng khó khăn hơn đối với nhóm người ở độ tuổi trung

niên. Vai trò trụ cột gia đình không cho phép họ có cơ hội đầu tư thời gian cho việc học hành, tìm kiếm, lựa chọn một việc làm khác phù hợp. Đó là chưa kể những hạn chế về tuổi tác, sức khỏe, khả năng tiếp thu kiến thức cũng như kỹ năng nghề nghiệp mới.

Cơ cấu nghề nghiệp tại các phường xã ven đô có nhiều biến đổi theo hướng giảm dần số lao động làm nghề nông. Song sự chuyển đổi đó là quá trình kết

hợp giữa nông nghiệp và các nghề khác, hiếm thấy trường hợp chuyển đổi trực tiếp từ hộ thuần nông sang phi nông nghiệp hoàn toàn.



Hình 2: Sự chuyển đổi nghề nông của các cá nhân trong hộ gia đình giai đoạn 1995-2005⁷

Hình 2 cho thấy số lượng các cá nhân trong hộ gia đình làm nông nghiệp ngày càng có xu hướng giảm. Trong quá trình này, người dân có nhiều sự lựa chọn khác nhau tạo nên một cơ cấu nghề nghiệp phong phú và đa dạng bao gồm nông nghiệp, buôn bán, dịch vụ, công nhân, thợ thủ công, lao động tự do, cán bộ công nhân viên, bộ đội, công an... Dịch vụ và buôn bán nhỏ là hai hình thức được người dân vùng ven quan tâm, lựa chọn nhiều nhất bởi lẽ nó không yêu cầu trình độ quá cao, vốn quá lớn và khả năng gặp phải những rủi ro cũng không quá nhiều. Nó được kết hợp một cách hiệu quả với sản xuất nông nghiệp tạo nên chiến lược chuyển đổi cơ cấu nghề mà vẫn đảm bảo đời sống kinh tế cho gia đình. Đây được xem như bước đệm, có tác dụng tạo nguồn thu nhập thay thế kịp thời cho các gia đình, giảm bớt sức ép trên thị trường lao động.

Việc lựa chọn loại hình dịch vụ của mỗi cá nhân cũng phần nào phụ thuộc vào yếu tố kinh tế-xã hội tại địa phương nơi họ đang sinh sống. Ví dụ tại xã Minh Khai thuộc huyện Từ Liêm, do có trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội nằm trên địa bàn xã nên người dân ở đây chủ yếu tham gia vào các hoạt động buôn bán nhỏ ngay tại địa phương như bán hàng ăn uống, cắt tóc, gội đầu, cửa hàng tạp hóa, internet... Trong một thôn với khoảng 400 hộ dân thì đã có tới 60 cửa hàng trò chơi điện tử, một con số khá lớn đối với một xã thuộc ngoại thành Hà Nội. Đặc biệt, tại thôn Nguyên Xá, xã Minh Khai, toàn thôn có tới 90% số hộ có phòng cho sinh viên thuê⁸.

Khác với người dân xã Minh Khai, tuy diện tích đất nông nghiệp cũng dần bị thu hẹp, song người dân vùng ven tại phường Phú Thượng thuộc quận Tây Hồ và

phường Lĩnh Nam thuộc quận Hoàng Mai vẫn tiếp tục công việc gắn với đất nhưng với một dáng vẻ hoàn toàn khác. Từ khoảng những năm 1998-1999, do thu nhập từ trồng hoa cao gấp rất nhiều lần trồng lúa nên nhiều hộ dân Phú Thượng đã mạnh dạn chuyển đổi sang trồng hoa cung cấp cho nội thành vào dịp lễ, tết. Họ canh tác trên mảnh đất ruộng còn lại, có nhiều trường hợp họ thuê đất của những hộ gia đình khác để phát triển dịch vụ này. Cũng vào thời điểm đó, những mô hình thí điểm rau sạch đầu tiên được áp dụng tại Lĩnh Nam, người dân ở đây bắt đầu phát triển ngành nghề rau sạch, trồng trong nhà lưới cung cấp cho thị trường. Với sự ra đời của các chợ đầu mối, các sản phẩm của Phú Thượng và Lĩnh Nam được tiêu thụ thuận lợi hơn.

Trong bốn khu vực vùng ven được khảo sát, Cự Khối (một phường của quận Long Biên) là nơi có quá trình đô thị hoá chậm nhất. Có lẽ, vì lý do giao thông chưa thuận tiện nên Cự Khối là một trong số ít các đơn vị thuộc thành phố cho tới nay chưa từng có một cơ quan, xí nghiệp nào đóng trên địa bàn phường. Từ sau đổi mới kinh tế, hoạt động thương mại dịch vụ chủ yếu diễn ra với quy mô nhỏ. Gần đây, do ruộng đất bị thu hẹp, nhiều hộ gia đình đã chuyển đổi nghề nghiệp một cách tự phát. Ví dụ trong một nhà "chồng ở nhà sản xuất nông nghiệp, vợ chạy chợ, hoặc vợ ở nhà làm nông nghiệp còn chồng đi làm những ngành nghề như xây dựng tại phường, hay địa bàn khác. Vốn là một phường trước kia có truyền thống trồng hoa, trồng rau, ngày nay phụ nữ ở phường thường buôn bán các loại hoa, quả và rau những lúc nông nhàn"⁹. Bên cạnh đó "Một

số hộ ở mặt đường có thể làm những dịch vụ buôn bán với qui mô còn nhỏ, không lớn như các quận hay các phường phía trên gần Hà Nội"¹⁰

Sự chuyển đổi cơ cấu các nguồn thu nhập diễn ra không giống nhau ở bốn địa phương được khảo sát. Song có thể thấy nguồn thu từ nông nghiệp tuy đã giảm nhiều nhưng vẫn có vị trí nhất định trong cơ cấu nghề nghiệp ở đây. Nguồn thu này sẽ còn có mặt ở Cự Khối, Lĩnh Nam, Minh Khai lâu dài hơn, trong khi ở Phú Thượng, một phường đã trải qua chặng đường đô thị hoá bên bờ và hiệu quả, nguồn thu này sẽ nhỏ lại trong thời gian sắp tới.

Về nhà đất và cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ tại chỗ là nguyên nhân chính khiến giá đất vùng ven đô tăng cao. Do bị nhà nước thu hồi và sử dụng vào mục đích xây dựng các khu đô thị mới, đường giao thông, các công trình công cộng như công viên, vườn hoa, nhà văn hoá v.v.. nên đất ở của người dân ngày càng bị thu hẹp. Việc thu hồi đất gây hẫng hụt lớn đối với người nông dân, nhất là với những gia đình từ nhiều đời nay gắn bó với ruộng đồng, nghề nông. Trong khi đó, họ lại chưa được chuẩn bị gì để bước vào đời sống kinh tế đô thị, với các ngành nghề phi nông nghiệp, đòi hỏi trình độ văn hoá, tay nghề và vốn.

Đời sống cư dân nơi đây khá hơn lên chủ yếu do được đền bù, bán đất và có nhà cho thuê, chứ không phải do chuyển đổi nghề nghiệp hay phát triển sản xuất, kinh doanh mang lại. Họ tự bán một phần đất để xây dựng nhà cửa, mua sắm đồ đạc trong gia đình, chia cho con cái tách hộ hoặc làm vốn kinh doanh khi lập gia đình riêng v.v..

Dường như mức độ đô thị hoá càng cao thì càng nhỏ. Trong toàn mẫu khảo sát, diện tích đất được tính bình quân như sau:

Bảng 1: Diện tích đất bình quân đầu người¹¹

TT	Kiểu loại đất	Diện tích đất (m ² /người)
1	Diện tích đất thổ cư đầu người	58,55
2	Diện tích ở chính	13,20
3	Diện tích khu phụ	6,21
4	Diện tích sân, vườn, ao	38,64
5	Diện tích khác	22,97

Bảng số liệu thể hiện tương đối rõ đặc trưng trong việc sử dụng đất của người dân nông thôn. Trung bình diện tích ở chính/người thấp hơn rất nhiều so với trung bình diện tích đất thổ cư. Số diện tích đất thổ cư còn lại được sử dụng làm bếp, nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi, sân, vườn, ao v.v.. do người dân nông thôn ngày trước quen sống trong những ngôi nhà có bếp và nhà tắm riêng không khép kín, có sân trước sân sau, có ao, có mảnh vườn nhỏ. “Diện tích khác” là những phần đất không được xếp vào các nhóm trên, đây hầu hết là đất liền kề được người dân đầu tư xây dựng nhà cho thuê, tập trung chủ yếu tại xã Minh Khai.

Về kiến trúc nhà, vùng ven là nơi hội tụ của nhiều kiểu loại kiến trúc nhà, nó vừa mang những nét đặc trưng cho nông thôn Việt Nam, vừa mang hơi hướng đô thị, xu thế thời đại. Có rất nhiều gia đình, bên cạnh gian nhà ngang lợp ngói là ngôi nhà cao tầng khép kín được xây bằng tường gạch, lát đá hoa, mái đổ bê tông... Thu nhập từ nghề nông không thể đủ để vừa trang trải cho những chi phí hàng ngày vừa sắm đồ, xây nhà. Do vậy, phần đông những hộ gia đình có khả năng xây nhà cao tầng, sắm đồ đắt giá cũng đều là do họ nhận được tiền đền bù đất nông nghiệp

bị nhà nước thu hồi hoặc bán bớt một phần đất thổ cư.

Nhu cầu xây dựng ngày càng tăng trong những năm gần đây là nguyên nhân chính khiến tình hình thoát nước và vệ sinh môi trường tại các xã phường vùng ven trong mẫu khảo sát gặp không ít khó khăn. Trước đây ruộng nhiều, ao hồ nhiều nên khi trời mưa nước thoát nhanh xuống ao hồ, ít xảy ra úng ngập. Hiện nay hầu hết ao hồ đều bị người dân lấp đi dem bán hoặc xây dựng nhà cửa làm mất hẳn hệ thống thoát nước tự nhiên của vùng làng quê ngày trước. Thêm vào đó, việc gia tăng với tốc độ chóng mặt các công trình xây dựng cũng làm hỏng, sập, tắc hoặc quá tải hệ thống thoát nước chung vốn đã kém chất lượng và thiếu đồng bộ, gây úng ngập, mất vệ sinh và ảnh hưởng đến giao thông đi lại của người dân.

Kinh nghiệm cho thấy, trong quá trình phát triển, khi cơ sở hạ tầng chưa hội đủ những điều kiện cần để kịp thích ứng với nhu cầu ngày càng tăng của người dân thì chính ý thức của họ có vai trò rất quan trọng trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường cư trú. Về đời sống vật chất, nếu người nông dân chỉ trông chờ vào khoản thu nhập trước mắt từ mua bán đất để cải thiện mà không lo đầu tư vào sản xuất

kinh doanh, mở mang ngành nghề, tạo điều kiện làm ăn lâu dài thì con đường đó không đảm bảo cho bản thân các gia đình, cho con cái họ và cộng đồng sự phát triển bền vững. Do vậy, mỗi địa phương cần phải có phương hướng phù hợp để một mặt vừa giải quyết những khó khăn thiếu thốn cho các hộ dân, nhưng mặt khác hướng họ đến sự ổn định và đảm bảo chất lượng sống lâu dài.

Về quan hệ cộng đồng xã hội, chúng ta đang chứng kiến những đổi thay sâu sắc về văn hóa làng xã trước tác động của đô thị hóa, song những thay đổi đó là không giống nhau. Trong quá trình này, một số yếu tố dần biến mất trong khi những yếu tố khác lại được bảo lưu và chuyển hóa để thích ứng với điều kiện mới. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với người dân vùng ven đặc biệt là lớp trẻ. Cơ chế thị trường giúp con người năng động, tự tin, thực tế hơn, tạo điều kiện cho họ chủ động phát huy năng lực, song nó cũng là nguyên nhân gây ra không ít tiêu cực. Một chút xung đột về lợi ích cũng có thể là góc rẽ của những mâu thuẫn không đáng có trong gia đình và xã hội.

Việc xuất hiện các khu công nghiệp, khu đô thị mới cùng với sự chuyển hoá mục đích sử dụng đất, phát triển dịch vụ và sản xuất công nghiệp đã dần biến vùng quê yên ả thành những khu công nghiệp mang dáng dấp đô thị hiện đại. Sự chuyển biến quá đột ngột về hành chính làm cho một bộ phận dân cư chưa kịp thích ứng với những đòi hỏi của cuộc sống đô thị, dẫn đến những hẫng hụt. Nhịp sống, cơ cấu xã hội, các mối quan hệ xã hội nông thôn, những chuẩn mực văn hoá cộng đồng có thể thay đổi một cách cơ bản, cùng với đó

là sự thay đổi thái độ, hành vi và cách ứng xử của mỗi người dân trong đời sống gia đình và xã hội. Điều này có thể làm cho đô thị và nông thôn xích lại gần nhau hơn, tuy nhiên, chúng cũng có thể tạo ra những cú sốc do sự phá vỡ cơ cấu xã hội nông thôn vốn có.

Quan hệ xóm giềng cũng có sự khác biệt. Người ta vẫn duy trì quan hệ xóm giềng gần gũi, sẵn sàng giúp nhau khi có công việc to lớn, nhưng mối quan hệ đó dường như đang dần thiếu bền chặt. Thay vì mối thân tình "tối lửa tắt đèn" là các quan hệ xã hội đa chiều, phức tạp do sự pha trộn nhiều tầng lớp dân cư và việc chuyển đổi mô hình cư trú. Bên cạnh đó, những cách biệt về mức sống, sự xuất hiện của những ngôi biệt thự cao tầng khép kín thay thế cho gian nhà ngói đơn sơ, giản dị, công ngõ tuyền toàng, sẽ tạo sự xa cách trong quan hệ vốn trước đây thân như người trong gia đình.

3. Đô thị hoá vùng ven, quy luật phát triển của xã hội hiện tại

Hơn 10 năm qua, đô thị hoá đã làm thay đổi nhiều xã hội nông thôn cổ truyền ở các vùng ven Hà Nội. Sự thay đổi đó diễn ra ở mọi lĩnh vực của đời sống như kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục. Trong quá trình này, sự xuất hiện của nhiều chuẩn mực xã hội, định hướng giá trị mới đã phần nào thay thế những giá trị cũ. Con người sống năng động hơn, thực tế hơn, cái tôi cá nhân được tôn trọng, tài năng được phát huy, học vấn được đề cao. Tầng trưởng về kinh tế đã phần nào giúp họ có điều kiện nâng cao mức sống, đời sống vật chất trở nên khá giả và sung túc hơn, đời sống tinh thần cũng có những thay đổi đáng kể

Sự tăng cường các dòng xuất cư ra khỏi nông thôn đến các vùng đô thị có tác động hai mặt đến sự phát triển nông thôn. Một mặt, nó góp phần giải quyết việc làm cho dân cư nông thôn, mở rộng tầm nhìn của người nông dân đối với những hoạt động kinh tế thị trường, góp phần tạo thêm thu nhập cho các gia đình nông thôn, tạo điều kiện truyền bá lối sống đô thị về nông thôn nhanh hơn. Nhưng mặt khác, mất đi một lực lượng lao động tích cực ở nông thôn sẽ làm giảm khả năng phát triển của các vùng này vì suy đến cùng nguồn nhân lực là quan trọng nhất cho sự phát triển.

Đô thị hoá cũng dẫn đến những thay đổi trong phân công lao động ở ven đô, đặc biệt là phân công lao động về giới. Phụ nữ có thể sẽ là nhóm dễ bị tổn thương trong quá trình chuyển đổi, thiên chức gia đình hạn chế rất nhiều thời gian của họ dành cho việc nắm bắt cơ hội và tìm kiếm những hoạt động thay thế v.v.. Điều này tạo nên sức ép rất lớn về tâm lý đối với người nông dân, những cách biệt xã hội có thể vì thế mà gia tăng và người nghèo sẽ bị đẩy xa hơn. Tăng trưởng kinh tế và đô thị hoá đã tạo ra bất bình đẳng về kinh tế, thể hiện trong phân bố tài sản và thu nhập trên cơ sở những khác biệt xã hội như tuổi, giới tính, học vấn. Theo lý thuyết phân tầng xã hội của K.Marx, bất bình đẳng kinh tế và khác biệt xã hội sẽ là tiền đề của sự phân tầng xã hội.

Bên trong gia đình, do đất đai là nguồn sống chính của nhiều hộ nông dân vùng ven nên việc mất đất dễ sinh ra hoặc làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn. Mâu thuẫn này có thể bắt nguồn ngay từ trong gia đình nhỏ, giữa các thế hệ với nhau hoặc trong mối quan hệ họ hàng thân tộc

đã kháng khít bao đời. Tình trạng bạo lực gia đình có thể từ đây xuất hiện và gia tăng. Bên ngoài xã hội, sự du nhập lối sống đô thị, pha trộn văn hóa, thay đổi khuôn mẫu hành vi, phát triển ô ạt các kiểu loại dịch vụ khác nhau là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội như cờ bạc, trộm cắp, nghiện hút, mãi dâm, bạo lực xã hội... Trong quá trình phát triển, môi trường cũng là vấn đề nổi cộm. Sức ép tăng dân số, việc quản lý đô thị yếu kém, thiếu nguồn lực cần thiết đầu tư cho cơ sở hạ tầng... là những nguyên nhân có thể làm suy thoái môi trường sống của con người.

Như vậy, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, mặt trái của lối sống đô thị cũng ảnh hưởng không nhỏ tới vùng nông thôn đang trong quá trình chuyển đổi. Đó là việc sử dụng đất canh tác và đất xây dựng; đa dạng hoá kiến trúc nhà cửa; phân hóa giàu nghèo; gia tăng các tệ nạn xã hội; thừa nguồn lao động chân tay nhưng lại thiếu đội ngũ lao động chất lượng cao; biến đổi lối sống và phong tục tập quán. Tiếp theo đó sẽ là nạn khan hiếm nhà ở, xuống cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, ô nhiễm môi trường, và những tác động tiềm ẩn như bất bình đẳng trong phân bố tài sản, việc làm, thu nhập, dẫn đến sự phân tầng xã hội và hình thành những nhóm nghèo mới. Cho đến nay, đô thị hoá vùng ven vẫn còn là một vấn đề nghiên cứu rộng lớn, mới mẻ với rất nhiều câu hỏi cần được làm sáng tỏ cả trên bình diện lý luận và thực tiễn.

Tuy còn tồn tại những hạn chế nhất định, song nhìn chung đô thị hoá đã giúp cải thiện đời sống người dân theo hướng văn minh, hiện đại hơn. Đó là thành quả

rất đáng trân trọng của quá trình đổi mới, của những nỗ lực cộng đồng trong việc xây dựng và phát triển một xã hội với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, gia đình hạnh phúc.

Chú thích

- ¹ UNCHS/Habitat, 1996
- ² Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020, 1999
- ³ Niên giám thống kê Hà Nội năm 2005, *Cục Thống kê Hà Nội, 4.2006*
- ⁴ Niên giám thống kê Hà Nội năm 2005, *Cục Thống kê Hà Nội, 4.2006*
- ⁵ Báo cáo Hội đồng Nhân dân Thành phố, *Sở Kế hoạch Đầu tư, 1999*
- ⁶ Điều tra xã hội học, phòng Xã hội học Đô thị, Viện Xã hội học thực hiện, 6.2005
- ⁷ Điều tra xã hội học, phòng Xã hội học Đô thị, Viện Xã hội học thực hiện, 6.2005
- ⁸ Điều tra xã hội học, Phòng Xã hội học Đô thị, Viện Xã hội học thực hiện, 6.2005
- ⁹ Thảo luận nhóm tổ trưởng Phường Cự Khối, phòng Xã hội học Đô thị, Viện Xã hội học thực hiện, 6.2005
- ¹⁰ Phỏng vấn sâu cán bộ Phường Cự Khối, phòng Xã hội học Đô thị, Viện Xã hội học thực hiện, 6.2005.
- ¹¹ Điều tra Xã hội học, phòng Xã hội học Đô thị, Viện Xã hội học thực hiện, 6.2005.

Tài liệu tham khảo

1. *Nhận diện nhóm người nhập cư vùng ven Hà Nội*, Phòng Xã hội học Đô thị, Viện Xã hội học, Hà Nội, 2001.
2. *Biến đổi kinh tế-xã hội ở vùng ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hoá*, Phòng Xã hội học Đô thị, Viện Xã hội học, Hà Nội, 2003.
3. *Đô thị hoá, phân tầng xã hội và nghèo khổ*, Phòng Xã hội học Đô thị, Viện Xã hội học, Hà Nội, 2003.
4. *Tác động của đô thị hóa đến đời sống kinh tế-xã hội của người dân vùng ven Hà Nội*, Nguyễn Hữu Minh và đồng nghiệp, Hà Nội, 2005.
5. *Vì một sự tăng trưởng và một xã hội công bằng: Báo cáo tổng kết, Diễn đàn Kinh tế - Tài chính Việt Pháp*, 2004.
6. *Định hướng quy hoạch tổng hợp phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội, 1999.
7. *Niên giám thống kê Hà Nội*, Cục Thống kê Hà Nội, 4. 2006
8. *Việt Nam thực hiện cam kết: Báo cáo phát triển*, Ngân hàng Thế giới, 2003.
9. *Urbanisation in Asia: Lessons Learned and Innovative Responses*, Australian Housing and Urban Research Institute, Dean F. and Michael L, 1997.
10. *Poverty and Urbanisation: Challenges and Opportunities*, Norwegian Agency for Development Cooperation, NORAD, 2002.